TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ - ST
Ngày 26 tháng 3 năm 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông
2. Ông Nguyễn Văn Chung

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải – Là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2017/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hải V, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Bị đơn: Anh Chu Văn T, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2017 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Hải V trình bày: Chị kết hôn với anh Chu Văn T ngày 25/12/1987 trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, sau khi

cưới chị về ở chung với gia đình anh T, đến tháng 3/1988 thì vợ chồng ra ăn riêng vào nhà đất của gia đình anh T tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường. Năm 1991 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau, anh T đánh và gây thương tích cho chị nhiều lần nên chị phải làm đơn đề nghị UBND xã T can thiệp sau đó chị về nhà bố mẹ đẻ ở anh T lên gọi chị về và chị nghĩ về các con nên chị lại về đoàn tụ cùng anh T, nhưng anh vẫn không thay đổi tính nết, chị đi làm đến 9, 10 giờ anh T lại gọi điện bảo chị về nấu cơm có hôm chị đi làm về trưa anh lại đánh chị, ngoài ra anh T còn ghen tuông vô cớ. Ngày 05/12/2017 anh chị sẩy ra mâu thuẫn căng thẳng anh T đánh chị gãy xương sườn nên phải vào Bệnh viện 109 điều trị sau đó chị phải đi ở nhờ nhà nhà cháu T (con trai). Vợ chồng đã sống ly thân từ đó nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T.

Tại phiên tòa bị đơn anh Chu Văn T vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2018 anh T trình bày: Anh thừa nhận chị V trình bày đúng về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và thời gian vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, kinh tế trong gia đình chị V quản lý toàn bộ khi anh hỏi tiền thì chị V không cho nên anh đánh chị V nhiều lần công an xã phải đến can thiệp. Cách đây khoảng 02 tháng chị V đi làm về muộn, anh ở nhà chờ chị về ăn cơm sau đó vợ chồng lại sẩy ra cãi nhau chị V nói xúc phạm đến anh nên anh đánh chị V, sau chị bỏ đi thỉnh thoảng mới về nhà tối về nhà con trai ngủ. Nay chị V xin ly hôn anh không nhất trí, anh không xin đoàn tụ chị V tự bỏ đi thì chị phải tự về. Giấy báo và thông báo của Tòa án anh có nhận được nhưng anh phải đi làm nên không đến làm việc, anh không đồng ý ly hôn nên không đến Tòa án nữa đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Chị V, anh T thừa nhận có 03 con chung là cháu Chu Thanh T, sinh ngày 15/5/1989 (đã có vợ con ở riêng), cháu Chu Văn T, sinh ngày 27/5/1991 (đi làm ở Thanh Hóa), cháu Chu Văn P, sinh ngày 01/10/2003 hiện nay ở với chị V, ly hôn chị V xin nuôi cháu P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T để cho các con tự quyết định anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung anh T khai: Khi chị V bỏ đi có đem theo 16 chỉ vàng, nếu ly hôn anh yêu cầu chị V phải trả lại cho anh số vàng trên còn nhà đất là của bố mẹ anh ngoài ra anh chị không có tài sản gì nữa.

Chị V khai: Có 16 chỉ vàng nhưng chị đã chi vào việc chữa bệnh cho chị (vì anh T gây thương tích cho chị) và chữa bệnh cho anh T, ngoài ra chị còn trả nợ tiền cờ bạc cho cháu Chu Thanh T (con trai chi hết 200.000.000đ) nên không còn nữa. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về số vàng trên.

Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ anh T khai: Vợ chồng không nợ ai, chị V vay nợ của ai anh không biết.

Về đất canh tác anh T khai: Có 1,8 sào đất nông nghiệp ở sứ đồng Đ (trong đó có 03 thước mua của em gái anh); 13 thước ở sứ đồng M; 01 sào 06 thước ở sứ đồng G; 01 sào ở sứ đồng H nếu ly hôn anh đề nghị chia đất cho các con, nhưng cho anh thêm thời gian để hỏi ý kiến của các con.

Chị V khai không yêu cầu Tòa án giải quyết về đất canh tác.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đề nghị: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Trần Thị Hải V được ly hôn với anh Chu Văn T. Về con chung giao cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Văn P, sinh ngày 01/10/2003 chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Còn cháu Chu Thanh T, cháu Chu Văn T đã trưởng thành nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Trần Thị Hải V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Chu Văn T theo quy định tại Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của anh T đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự trên.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 1987 chị Trần Thị Hải V kết hôn với anh Chu Văn T trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là

cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 03 con chung, trong quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau, mặt khác anh chị lại không tin tưởng nhau về tình cảm nên vợ chồng sẩy ra mâu thuẫn nhiều năm nay, anh T đánh chị V nhiều lần nên Công an xã T đã phải đến giải quyết từ đó chị V chán nản, nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 05/12/2017 cho đến nay. Xác minh tại UBND xã T được biết do anh chị không tin tưởng nhau về tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng sẩy ra từ nhiều năm nay và anh T đã đánh chị V nhiều lần nên UBND xã phải đến giải quyết, đề nghị Tòa án nên giải phóng cho người phụ nữ. Việc anh T không đồng ý ly hôn là không thực tâm nhằm gây khó khăn cho chị V bởi lẽ, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không đạt được, vì vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên giải quyết cho chị V được ly hôn với anh T là phù hợp.

[2]. Về con chung: Chị V anh T có 03 con chung là cháu Chu Thanh T, Chu Văn T và Chu Văn P hiện nay cháu P còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của bố mẹ. Ly hôn chị V xin nuôi cháu P, nguyện vọng của cháu P xin được ở với chị V. Mặt khác hiện nay cháu P đang ở với chị V vì vậy nên giữ nguyên như hiện nay là phù hợp. Còn anh Chu Thanh T, sinh ngày 15/5/1989 (đã có vợ con và ở riêng), anh Chu Văn T, sinh ngày 27/5/1991 (đã trưởng thành) nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng cháu P đến khi trưởng thành hoặc khi chị V, anh T có yêu cầu khác. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Anh T yêu cầu chị V trả lại cho anh 16 chỉ vàng chị V không đồng ý cho rằng 16 chỉ vàng chị đã chi vào việc chữa bệnh cho chị và anh T. Ngoài ra chị còn trả nợ tiền cờ bạc cho anh Chu Thanh Tuyền (con trai) nên không còn nữa, mặt khác chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Riêng về đất canh tác chị V anh T có 1,8 sào anh T yêu cầu chia cho các con nhưng cho anh thêm thời gian để hỏi ý kiến của các con, còn chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc dù Tòa án đã giải thích cho anh T biết theo quy định của pháp luật thì anh phải nộp tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản, nhưng anh T cho rằng không muốn ly hôn nên không đến làm việc và không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản. Hơn nữa chị V có đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và đất canh tác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Hải V là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Trần Thị Hải V được ly hôn với anh Chu Văn T.

Về con chung: Chị Trần Thị Hải V tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu cháu Chu Văn Phong, sinh ngày 01/10/2003 đến khi trưởng thành hoặc khi anh T có yêu cầu khác. Chị Trần Thị Hải V không yêu cầu anh Chu Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị Trần Thị Hải V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Hải V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003717 ngày 28/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Chu Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình